

# **PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN TRONG PHÒNG NGỪA COVID-19**

TS.BS. HUỖNH MINH TUẤN

1. Văn bản quy định PTPHCN (PPE)
2. Định nghĩa và nguyên tắc
3. Phân cấp độ PPE theo thành phần và quy định sử dụng theo từng khu vực nguy cơ
4. Một số tiêu chí kỹ thuật
5. Dự trù (chuẩn bị) số lượng PPE cần thiết
6. Các lưu ý trong thực hành mang – tháo PPE

# Cuộc chiến COVID-19

3

- Ngày càng phức tạp và chưa có hồi kết
- Những vấn đề “hot” hiện nay
  - ▶ Vắc-xin
  - ▶ Xét nghiệm



# Định hướng quốc gia

4

- Phương châm: “Chuyển trạng thái phòng, chống dịch từ phòng ngự sang chủ động tấn công”
- Mục tiêu kép: “Vừa phòng chống dịch bệnh vừa phát triển”
- **Bệnh Viện là thành lũy cuối cùng**

# Nhắc lại về đường lây truyền

5



Nguồn: New England Journal of Medicine

# Vai trò của PPE

6



Là phương tiện thiết yếu bảo vệ NVYT trước nguy cơ lây nhiễm COVID-19



Việc mang PPE đúng theo hướng dẫn khi chăm sóc người bệnh là một biện pháp quan trọng nhất trong phòng ngừa lây nhiễm COVID-19

# 1. Các văn bản: RẤT NHIỀU!!!

7

BỘ Y TẾ  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: 870/QĐ-BYT  
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH Về việc hướng dẫn kỹ thuật tạm thời cho khẩu trang vải kháng giọt bắn, kháng khuẩn

### BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus rút Corona gây ra;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế - Bộ Y tế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu "Hướng dẫn kỹ thuật tạm thời cho khẩu trang vải kháng giọt bắn, kháng khuẩn".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 775/QĐ-BYT ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn kỹ thuật tạm thời cho khẩu trang vải phòng dịch tại cộng đồng.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Viện trưởng Viện Trang thiết bị và Công trình y tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam;
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Các Doanh nghiệp sản xuất khẩu trang;
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Lưu: VT, TB-CT (2b).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
  
Trương Quốc Cường

BỘ Y TẾ  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: 1444/QĐ-BYT  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH Về việc hướng dẫn tạm thời về lựa chọn và sử dụng khẩu trang trong phòng chống dịch COVID-19

### BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus rút Corona gây ra;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế - Bộ Y tế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu "Hướng dẫn tạm thời về lựa chọn và sử dụng khẩu trang trong phòng chống dịch COVID-19".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam;
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Lưu: VT, TB-CT (2b).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
  
Trương Quốc Cường

# Danh mục PPE

8

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1259/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Danh mục phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu  
của 01 Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19

### **BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 30/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu của 01 Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19:

1. Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19 với cơ sở 20 giường bệnh tại Bệnh viện tuyến Trung ương, tuyến Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phân công là bệnh viện tuyến cuối của Trung ương; của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thu dung điều trị người bệnh nặng, nguy kịch từ tuyến dưới: Danh mục phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu trong Phụ lục số 01.

2. Các bệnh viện khác tiếp nhận, quản lý điều trị người bệnh COVID-19: Danh mục phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu trong Phụ lục số 02.

**Điều 2.** Giám đốc các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế ngành, căn cứ vào Danh mục phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu quy định tại Điều 1 để rà soát, bổ sung định mức sử dụng theo quy định và bảo đảm dự phòng phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu đáp ứng với nhu cầu điều trị và diễn biến tình hình dịch bệnh COVID-19. Số lượng sử dụng thực tế theo số lượng người bệnh COVID-19.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, các đơn vị đã thực hiện thủ tục đầu tư phương tiện

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1460/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc đính chính Quyết định số 1259/QĐ-BYT ngày 20/03/2020 của  
Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu  
của 01 Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19

### **BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 30/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đính chính tiêu đề của Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 của Quyết định số 1259/QĐ-BYT ngày 20/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu của 01 Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19, như sau:

1. Tiêu đề Phụ lục số 01, đính chính thành:

**“DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN THIẾT YẾU**

*(của Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19 với cơ sở 20 giường bệnh, điều trị trong 3 tuần, tại Bệnh viện tuyến Trung ương (TU), tuyến Tỉnh, TP trực thuộc TU được phân công là bệnh viện tuyến cuối của TU; của tỉnh, TP trực thuộc TU thu dung điều trị người bệnh nặng, nguy kịch từ tuyến dưới)”*

2. Tiêu đề Phụ lục số 02, đính chính thành:

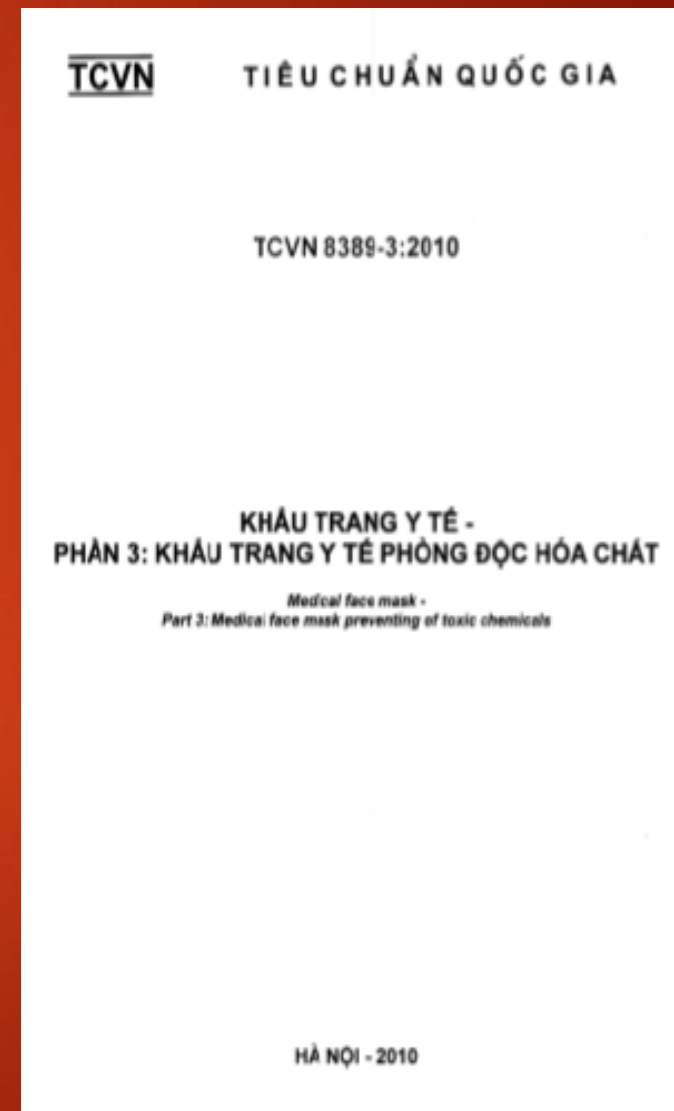
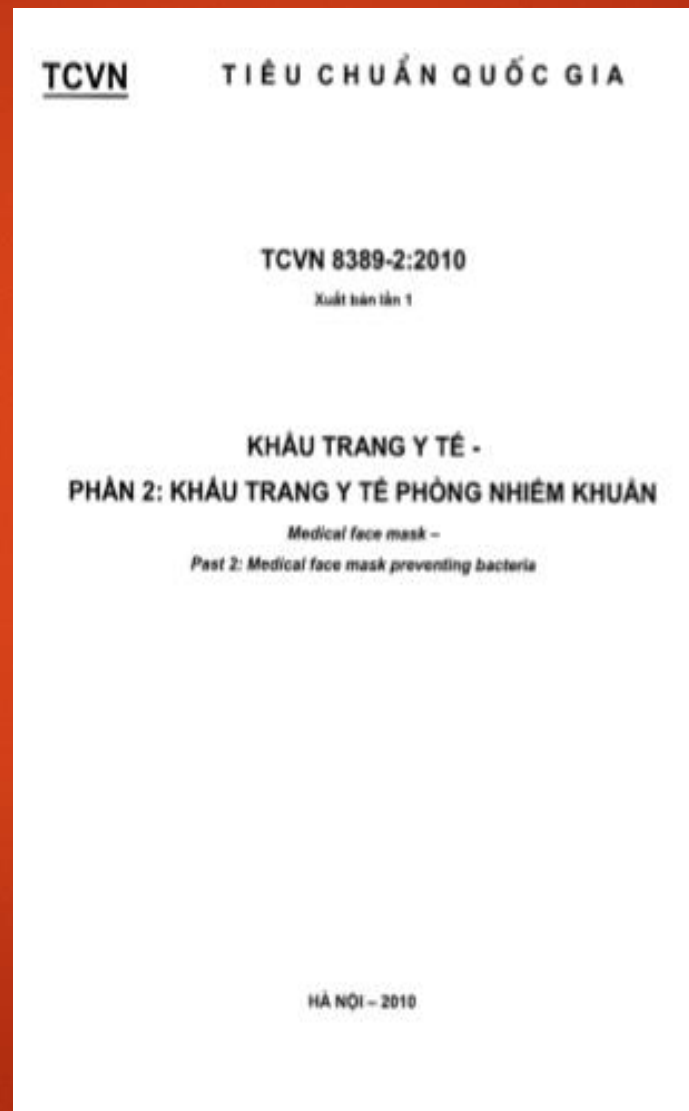
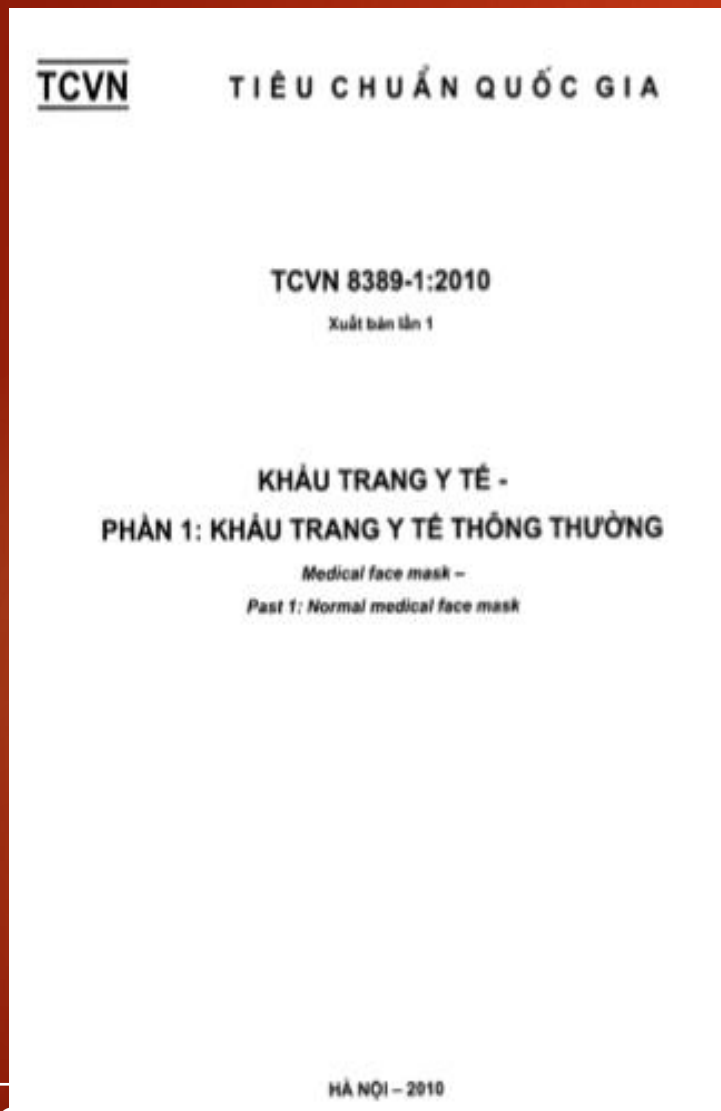
**“DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN THIẾT YẾU**

*(Tại các BV khác tiếp nhận, quản lý điều trị người bệnh COVID-19 trong 3 tuần)”*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

# Chất lượng

9



# Văn bản quan trọng: 1616 & 5188

10

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1616/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hướng dẫn tạm thời về kỹ thuật, phân loại và lựa chọn  
bộ trang phục phòng, chống dịch Covid-19.**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2017 của  
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01/4/2020 của Thủ tướng Chính  
phủ về việc công bố dịch Covid-19.*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế - Bộ Y tế,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu “Hướng dẫn tạm thời về  
kỹ thuật, phân loại và lựa chọn bộ trang phục phòng, chống dịch Covid-19”.

**Điều 2.** Giao cho Viện Trang thiết bị và Công trình y tế **và các tổ chức có  
năng lực được chỉ định khác** xây dựng quy trình, tổ chức đánh giá, thử nghiệm  
Bộ trang phục phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng các chỉ tiêu kỹ thuật tại  
hướng dẫn này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và  
Công trình y tế, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ  
thuộc Bộ Y tế, Viện trưởng Viện Trang thiết bị và Công trình y tế, Thủ trưởng  
các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam;
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử BYT;
- Lưu: VT, TB-CT (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Trương Quốc Cường**

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5188/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Hướng dẫn phòng và kiểm soát  
lây nhiễm SARS-CoV-2 trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính  
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;  
Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn phòng và kiểm soát  
lây nhiễm SARS-CoV trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” thay thế “Hướng dẫn  
phòng và kiểm soát lây nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút Corona 2019  
(COVID-19) trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Quyết định  
số 468/QĐ-BYT ngày 19/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

**Điều 3.** Các Ông, Bà: Chánh văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng,  
Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực  
thuộc Trung ương; Giám đốc Bệnh viện, Viện nghiên cứu có giường bệnh trực  
thuộc Bộ Y tế; Thủ trưởng Y tế các Bộ, Ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên  
quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- PTTg Vũ Đức Đam, Trưởng BCĐQG phòng  
chống dịch COVID-19 (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Công TTĐT Bộ Y tế, Website Cục QLKCB;
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Phó trưởng ban chỉ đạo Quốc gia  
phòng, chống dịch bệnh viêm đường  
hô hấp cấp do chủng mới của vi rút  
Corona gây ra**



**Nguyễn Trường Sơn**

## 2. Định nghĩa

11

Bộ trang phục phòng chống dịch Covid-19 là bộ PPE, có chức năng bảo vệ toàn bộ bề mặt cơ thể người sử dụng trước nguy cơ lây nhiễm khi tiếp xúc với máu, dịch tiết và giọt bắn đường hô hấp mang các tác nhân gây bệnh khi tiếp xúc gần với người bệnh/ mang mầm bệnh

- ▶ **Thành phần chính:** bộ mũ, áo, quần dạng liền (hoặc rời)
- ▶ **Phụ kiện:** bao giày, kính bảo hộ, tấm che mặt, khẩu trang, găng

# Các nguyên tắc chung

12

- ▶ PPE đủ cỡ và đạt tiêu chuẩn chất lượng (1616)
- ▶ Đảm bảo luôn sẵn có cơ sở PPE tại các khu vực tiếp đón, sàng lọc, cách ly, điều trị, buồng đệm của phòng cách ly, phòng XN, khu vực xử lý rác thải, xử lý thi hài
- ▶ Tuân thủ đúng chỉ định và quy trình mang/tháo PPE
- ▶ Tất cả nhân viên phải được đào tạo để sử dụng thành thạo PPE

# Nguyên tắc khi mang vào

13

- ▶ Đảm bảo PPE che phủ kín toàn bộ cơ thể, chuẩn bị đầy đủ PPE phù hợp với tình huống
- ▶ Luôn mang PPE khi tiếp xúc, thăm khám, chăm sóc cho người nhiễm/nghi nhiễm
- ▶ Trường hợp cấp cứu không khai thác yếu tố dịch tễ & triệu chứng → không đánh giá được nguy cơ → sử dụng PPE như khi cấp cứu người nhiễm/ nghi nhiễm
- ▶ Thực hành thuần thục trước đó
- ▶ Trong khu vực đậm

# Nguyên tắc khi hoạt động

14

- ▶ Tránh tiếp xúc và điều chỉnh PPE trong khu vực cách ly
- ▶ Thay găng khi chuyển từ NB này sang NB khác, khi rách, sau tiếp xúc với vật dụng có khả năng nhiễm vi-rút (phân, dịch dẫn lưu, dịch tiết)

# Nguyên tắc khi tháo bỏ PPE

15

- ▶ Mặt ngoài PPE có mức độ nguy cơ nhiễm cao, khi tháo phải cuộn mặt ngoài vào trong, không giữ
- ▶ Mặt trước có nguy cơ nhiễm cao hơn mặt sau
- ▶ PPE chỉ dùng 1 lần, sau khi sử dụng xong là rác thải có nguy cơ lây nhiễm
- ▶ Trong khu vực đệm

### 3. Cấp độ PPE theo thành phần (1616)

16

| Thành phần      | Bộ trang phục phòng chống dịch COVID-19 |                                                        |                                                                              |                                                                              |
|-----------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|                 | Cấp độ 1                                | Cấp độ 2                                               | Cấp độ 3**                                                                   | Cấp độ 4**                                                                   |
| Bộ mũ, áo, quần | +                                       | +                                                      | +                                                                            | +                                                                            |
| Kính bảo hộ     | +                                       | +/-                                                    | Không                                                                        | Không                                                                        |
| Tấm che mặt     | Không                                   | +/-*                                                   | +                                                                            | +                                                                            |
| Găng tay y tế   | +                                       | +                                                      | +                                                                            | +                                                                            |
| Bao giấy        | +/-                                     | +                                                      | +                                                                            | +                                                                            |
| Khẩu trang      | Khẩu trang 870 trở lên                  | Khẩu trang y tế theo TCVN 8389-1:2010 hoặc 8389-2:2010 | Khẩu trang N95, FFP2 theo tiêu chuẩn EN 14683 Type I,II,IIR hoặc tương đương | Khẩu trang N95, FFP2 theo tiêu chuẩn EN 14683 Type I,II,IIR hoặc tương đương |

Ghi chú: (+) Có; (-) Không; (+/-) Có thể có hoặc không;

(\*) Nếu có thì không chọn thêm kính bảo hộ.

(\*\*) sự khác nhau của cấp độ 3 và 4 dựa vào tiêu chuẩn hiệu suất rào cản giữa mặt trước, tay áo và mặt sau

# Phân cấp độ theo hiệu suất rào cản (1616)

17

| Phân loại cấp độ bảo vệ của Bộ trang phục phòng chống dịch Covid-19 | Khu vực A<br>(mặt trước)<br><i>Đánh giá về cấp độ hiệu suất rào cản đạt được theo Bảng 1</i> | Khu vực B<br>(tay áo)<br><i>Đánh giá về cấp độ hiệu suất rào cản đạt được theo Bảng 1</i> | Khu vực C<br>(mặt sau)<br><i>Đánh giá về cấp độ hiệu suất rào cản đạt được theo Bảng 1</i> |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cấp độ 1                                                            | Cấp độ 1, 2, 3 hoặc 4                                                                        | Cấp độ 1, 2, 3 hoặc 4                                                                     | Cấp độ 1                                                                                   |
|                                                                     | Cấp độ 1, 2, 3 hoặc 4                                                                        | Cấp độ 1                                                                                  | Cấp độ 1, 2, 3 hoặc 4                                                                      |
|                                                                     | Cấp độ 1                                                                                     | Cấp độ 1, 2, 3 hoặc 4                                                                     | Cấp độ 1, 2, 3 hoặc 4                                                                      |
| Cấp độ 2                                                            | Cấp độ 2, 3 hoặc 4                                                                           | Cấp độ 2, 3 hoặc 4                                                                        | Cấp độ 2                                                                                   |
|                                                                     | Cấp độ 2, 3 hoặc 4                                                                           | Cấp độ 2                                                                                  | Cấp độ 2, 3 hoặc 4                                                                         |
|                                                                     | Cấp độ 2                                                                                     | Cấp độ 2, 3 hoặc 4                                                                        | Cấp độ 2, 3 hoặc 4                                                                         |
| Cấp độ 3                                                            | Cấp độ 3 hoặc 4                                                                              | Cấp độ 3 hoặc 4                                                                           | Cấp độ 3                                                                                   |
|                                                                     | Cấp độ 3 hoặc 4                                                                              | Cấp độ 3                                                                                  | Cấp độ 3 hoặc 4                                                                            |
|                                                                     | Cấp độ 3                                                                                     | Cấp độ 3 hoặc 4                                                                           | Cấp độ 3 hoặc 4                                                                            |
| Cấp độ 4                                                            | Cấp độ 4                                                                                     | Cấp độ 4                                                                                  | Cấp độ 4                                                                                   |

# Tóm tắt quy định 5188

18

## SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TRONG PHÒNG CHỐNG COVID-19

| Vị trí, thủ<br>thuật                | Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân |        |      |                    |                      |                                 |
|-------------------------------------|--------------------------------------|--------|------|--------------------|----------------------|---------------------------------|
|                                     | Bộ quần<br>áo chống<br>dịch          | Tạp dề | Găng | Khẩu<br>trang y tế | Khẩu<br>trang<br>N95 | Kính bảo<br>hộ / tấm<br>che mặt |
| Tiếp đón                            | +/-                                  |        | +/-  | +                  |                      | +/-                             |
| Phòng khám<br>sàng lọc              | +                                    |        | +    | +                  | +/-                  | +                               |
| Khu vực cách li<br>trong BV         | +                                    | +/-    | +    |                    | +                    | +                               |
| Phòng xét<br>nghiệm                 | +                                    | +/-    | +    |                    | +                    | +                               |
| Vận chuyển<br>người bệnh            | +                                    | +/-    | +    | +                  | +/-                  | +                               |
| Khu xử lý, bảo<br>quản thi hài      | +                                    | +/-    | +    | +                  | +/-                  | +                               |
| Khi làm thủ<br>thuật, phẫu<br>thuật | +                                    | +      | +    | +                  | +                    | +                               |

**Ghi chú:** (+) Cần thiết sử dụng.

(+/-) Cần nhắc sử dụng theo từng trường hợp.

| Khu vực                                                                                                                                                                                                                                                       | Đối tượng sử dụng | Hoạt động chuyên môn                                                                                                  | Cấp độ bộ PPE        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>Sàng lọc ban đầu</b><br>- Cổng 1<br>- Cổng Tản Đà<br>- Cổng Cấp cứu<br><b>Phòng khám sàng lọc (khám sàng lọc các trường hợp NB nghi ngờ có yếu tố dịch tễ hoặc yếu tố lâm sàng)</b><br>- Phòng khám 1A, 2A, 1B, 2B<br>- Phòng khám sàng lọc cấp cứu (số 6) | Nhân viên y tế    | Đo nhiệt độ (NVYT, NB, thân nhân và khách), hướng dẫn (NB, thân nhân và khách) khai báo y tế và dân nhân đã sàng lọc) | Cấp độ 2 (*)         |
|                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhân viên y tế    | Tư vấn, khám thực thể NB không có triệu chứng hô hấp.                                                                 | Cấp độ 3 trở lên (*) |
|                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhân viên y tế    | Tư vấn, khám thực thể NB có triệu chứng hô hấp.                                                                       | Cấp độ 4 (*)         |
|                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhân viên vệ sinh | Sau và giữa các cuộc tư vấn, khám thực thể với NB có triệu chứng hô hấp                                               | Cấp độ 3 trở lên (*) |
|                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhân viên y tế    | Sàng lọc sơ bộ không tiếp xúc trực tiếp                                                                               | Cấp độ 2             |

# UMC (2)

20

| Khu vực                                             | Đối tượng sử dụng | Hoạt động chuyên môn                                           | Cấp độ bộ PPE    |
|-----------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------|------------------|
| Khoa Cấp cứu khi chưa khai thác được yếu tố nguy cơ | Nhân viên y tế    | Thực hiện các thủ thuật có thể tạo khí dung hoặc phẫu thuật    | Cấp độ 4 (*)     |
|                                                     | Nhân viên y tế    | Mọi hoạt động                                                  | Cấp độ 3         |
| Khu vực cách ly<br>Phòng đệm<br>Phòng 204, 205      | Nhân viên y tế    | Chăm sóc trực tiếp cho NB và không có nguy cơ tạo hạt khí dung | Cấp độ 3 trở lên |
|                                                     |                   | Thực hiện các thủ thuật có thể tạo khí dung hoặc phẫu thuật    | Cấp độ 4 (*)     |
|                                                     | Nhân viên vệ sinh | Vào phòng của NB                                               | Cấp độ 3 trở lên |

# UMC (3)

21

| Khu vực                                | Đối tượng sử dụng | Hoạt động chuyên môn            | Cấp độ bộ PPE        |
|----------------------------------------|-------------------|---------------------------------|----------------------|
| Phòng xét nghiệm mẫu dịch đường hô hấp | Nhân viên y tế    | Mọi hoạt động                   | Cấp độ 4             |
| Phòng Phẫu thuật/Thủ thuật DSA         | Nhân viên y tế    | Mọi hoạt động                   | Cấp độ 4             |
| Vận chuyển người bệnh                  | Nhân viên y tế    | Mọi hoạt động                   | Cấp độ 3 trở lên (*) |
| Xử lý dụng cụ                          | Nhân viên y tế    | Làm sạch, khử khuẩn, tiệt khuẩn | Cấp độ 3 trở lên (*) |

# UMC (4)

22

| Khu vực                                        | Đối tượng sử dụng         | Hoạt động chuyên môn                                         | Cấp độ bộ PPE        |
|------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|
| Xử lý đồ vải                                   | Nhân viên y tế            | Kiểm đếm đồ vải sau sử dụng                                  | Cấp độ 2 trở lên     |
| Phân loại, thu gom chất thải tại nơi phát sinh | Nhân viên xử lý chất thải | Phân loại và thu gom chất thải                               | Cấp độ 3 trở lên (*) |
| Bảo quản thi hài                               | Nhân viên y tế            | Mọi hoạt động                                                | Cấp độ 4 (*)         |
| Vệ sinh môi trường                             | Nhân viên thực hiện       | Vệ sinh môi trường (không gian kín)                          | Cấp độ 3 (*)         |
|                                                |                           | Vệ sinh môi trường sau và giữa vận chuyển NB (không gian mở) | Cấp độ 2             |

# UMC (5)

23

| Khu vực       | Đối tượng sử dụng | Hoạt động chuyên môn                                                                                  | Cấp độ bộ PPE |
|---------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| Xe cứu thương | Nhân viên y tế    | Vận chuyển NB                                                                                         | Cấp độ 3      |
|               | Lái xe            | Chỉ tham gia vào việc lái xe cho người nghi ngờ mắc bệnh và khoang lái xe được tách ra khỏi khoang NB | Cấp độ 2      |
|               |                   | Hỗ trợ đưa NB lên hoặc xuống                                                                          | Cấp độ 3      |
|               | Nhân viên vệ sinh | Vệ sinh giữa và sau khi vận chuyển NB                                                                 | Cấp độ 3 (*)  |

# UMC (6)

24

| Khu vực                                                                                          | Đối tượng sử dụng                                             | Hoạt động chuyên môn                                                                                                                       | Cấp độ bộ PPE                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| Khu vực cách ly                                                                                  | Nhân viên trung chuyển                                        | Trung chuyển các vật dụng đã được đóng gói đến khu vực xử lý tập trung như :<br>+ Mẫu bệnh phẩm<br>+ Đồ vải<br>+ Dụng cụ<br>+ Chất thải... | Khẩu trang y tế, găng tay          |
| Tại khu vực cách ly lầu 2B của Bệnh viện, hoặc/Tại khách sạn được Bệnh viện chọn làm nơi cách ly | Nhân viên bảo vệ, nhân viên được phân công                    | Bảo vệ vòng ngoài                                                                                                                          | Cấp độ 2 (*)                       |
| Trong khuôn viên Bệnh viện                                                                       | Nhân viên y tế, người bệnh, thân nhân, khách thăm, đối tác... | Di chuyển trong khuôn viên Bệnh viện                                                                                                       | Khẩu trang y tế, kính, tấm che mặt |

(\*) Trong một số trường hợp có nguồn lực hạn chế, xem xét chủ động việc quyết định giảm một cấp độ của bộ trang phục phòng chống dịch Covid-19 theo ý kiến của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch

## 4. Một số tiêu chí kỹ thuật PPE

25

**Kính bảo hộ và tấm che mặt** phải bó sát và khuôn mặt và ngăn chặn không để dịch thấm vào



# Khẩu trang

26

- ▶ **Khẩu trang y tế:** Tiêu chuẩn TCVN 8389 hoặc ASTM, không thấm nước, có thanh kim loại giúp uốn ôm kín sống mũi, ngăn chặn không khí và dịch bắn đi qua
- ▶ **Khẩu trang có hiệu lực lọc cao:** N95 hoặc FFP2 hoặc tương đương



# Găng

27

**Khuyến cáo dùng găng làm bằng chất liệu nitrile hơn chất liệu latex (ít dị ứng, chống nước, kháng dầu tốt)**



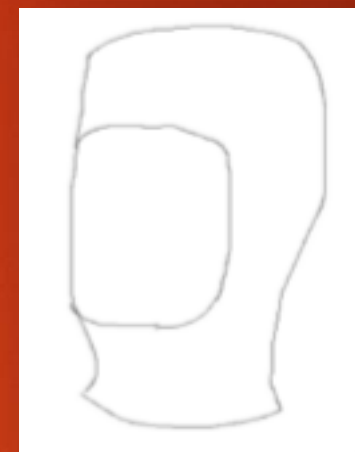
# Áo choàng

28

**Chiều dài đến giữa đùi, tay dài, cổ tay bo và tạp dề phải bằng chất liệu không thấm máu và dịch**



- ▶ Ủng cao su không thủng rách, size phù hợp
- ▶ Bao giày cao đến gần gối, bằng chất liệu không thấm và chống trượt
- ▶ Mũ che đầu và cổ, có chỗ mở phía trước để tháo ra sau
- ▶ Bộ quần áo mặc bên trong trước khi mặc PPE



# Bộ đồ PPE liền

30

Chất liệu Tyvek/Vải  
không dệt tráng  
màng PE



## 5. Dự trữ phương tiện phòng hộ cá nhân

31

- ▶ Chứng loại và số lượng PPE dự trữ phụ thuộc vào từng khu vực theo chức năng
- ▶ Dự trữ PPE dự trữ cho 1 ngày làm việc dựa trên số nhân viên/ca làm việc/ngày

## Dự trù bộ PPE/khẩu trang N95 theo ngày (giả định phòng bệnh điều trị 1-2 giường)

| Nhân sự               | Nhân sự/<br>ca làm việc | Số ca làm<br>việc/ngày | Số bộ PPE<br>hoặc N95/ngày | Ghi chú                |
|-----------------------|-------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| Điều dưỡng            | 04                      | 03                     | 12                         |                        |
| Bác sĩ                | 02                      | 03                     | 06                         |                        |
| Nhân viên<br>giám sát | 01                      | 03                     | 03                         |                        |
| Hộ lý                 | 02                      | 03                     | 06                         |                        |
| Nhân viên vệ<br>sinh  | 01                      | 03                     | 03                         |                        |
| Nhân viên<br>VLTL     | 01                      | 02                     | 02                         | Làm việc<br>02 ca/ngày |
| <b>Tổng cộng</b>      | <b>11</b>               |                        | <b>32</b>                  |                        |

# Nguyên tắc tính dự trù PPE

33

- ▶ Đây là cách tính bộ PPE/N95 cho từng khu vực làm việc
  - ▶ Số lượng và vị trí làm việc của NVYT tùy theo sự phân công
- ▶ Áp dụng cách tính này cho từng loại phương tiện khác
  - ▶ Khẩu trang y tế
  - ▶ Tạp dề
  - ▶ Găng

## Dung dịch vệ sinh tay (giả định phòng bệnh điều trị 1-2 giường)

34

| Nhân sự              | Nhân sự/<br>ca làm việc | Số cơ hội<br>VST/ ca làm<br>việc | Số ca làm<br>việc/ngày | Tổng cơ<br>hội/ngày |
|----------------------|-------------------------|----------------------------------|------------------------|---------------------|
| Điều dưỡng           | 04                      | 05                               | 03                     | 60                  |
| Bác sĩ               | 02                      | 04                               | 03                     | 24                  |
| Hộ lý                | 02                      | 04                               | 03                     | 24                  |
| Nhân viên vệ<br>sinh | 01                      | 02                               | 03                     | 06                  |
| Nhân viên VLTL       | 01                      | 02                               | 02                     | 04                  |
| <b>Tổng cộng</b>     | <b>11</b>               |                                  |                        | <b>118</b>          |

# Tính cụ thể dung dịch vệ sinh tay

- ▶ Tổng cơ hội VST/ngày: 118
- ▶ Lượng hóa chất khuyến cáo cho mỗi cơ hội: 3 – 5ml

## VẬY LƯỢNG DUNG DỊCH VỆ SINH TAY CẦN:

- Lượng dung dịch tối thiểu cần trang bị:  $118 \times 3 = 354 \text{ ml}$
- Lượng dung dịch tối đa cần trang bị:  $118 \times 5 = 590 \text{ ml}$

# Ước tính nhân sự 20 giường

36

| Vị trí, khu vực                                                                                                                                                 | Ca 1 |          |         |      | Ca 2 |          |         |      | Ca 3 |          |         |      | Ca 4 |          |         |      | Tổng | Nhu cầu PPE 1 ngày | Nhu cầu PPE 21 ngày | Ghi chú  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|---------|------|------|----------|---------|------|------|----------|---------|------|------|----------|---------|------|------|--------------------|---------------------|----------|
|                                                                                                                                                                 | BS   | ĐD / KTY | Vệ sinh | Khác | BS   | ĐD / KTY | Vệ sinh | Khác | BS   | ĐD / KTY | Vệ sinh | Khác | BS   | ĐD / KTY | Vệ sinh | Khác |      |                    |                     |          |
| Điều trị 20 BN nhẹ, không triệu chứng                                                                                                                           | 1    | 2        | 1       | 1    | 1    | 2        | 1       | 1    | 1    | 2        |         |      |      |          |         |      | 13   | 26                 | 1,369,368           | Cấp 3    |
| Điều trị 20 BN TB                                                                                                                                               | 2    | 3        | 1       | 1    | 2    | 3        | 1       | 1    | 2    | 3        | 1       | 1    |      |          |         |      | 21   | 42                 | 92,610              | Cấp 3,4  |
| Điều trị 20 BN nặng, rất nặng                                                                                                                                   | 3    | 9        | 1       | 1    | 3    | 9        | 1       | 1    | 2    | 8        | 1       | 1    | 2    | 8        | 1       | 1    | 52   | 104                | 307,944             | Cấp 4    |
| Phân luồng, hướng dẫn, khai báo y tế                                                                                                                            |      | 6        |         | 2    |      | 5        |         | 2    |      | 2        |         | 2    |      |          |         |      | 19   | 38                 | 1,197,000           | Cấp 2    |
| Khám sàng lọc, XN, chuyển viện                                                                                                                                  | 2    | 4        | 1       | 2    | 2    | 4        | 1       | 2    | 1    | 1        |         |      |      |          |         |      | 20   | 40                 | 1,260,000           | Cấp 3, 4 |
| Cận lâm sàng, XN                                                                                                                                                | 1    | 2        | 1       |      | 1    | 2        | 1       |      | 1    | 2        | 1       |      |      |          |         |      | 12   | 24                 | 756,000             | Cấp 3, 4 |
| Cấp cứu các trường hợp không khai thác được dịch tễ, phẫu thuật người nhiễm, nghi nhiễm                                                                         |      |          |         |      |      |          |         |      |      |          |         |      |      |          |         |      |      |                    | 189,000             | Cấp 4    |
| Theo dõi, chăm sóc NB nghi ngờ nhiễm (trong tg chờ XN khẳng định để chuyển cách ly điều trị, cách ly tạm thời tại các khoa lâm sàng khi có dấu hiệu nghi nhiễm) | 2    | 5        | 1       | 1    | 2    | 5        | 1       | 1    | 1    | 2        |         |      |      |          |         |      | 21   | 42                 | 1,323,000           | Cấp 3, 4 |
| TỔNG                                                                                                                                                            | 11   | 31       | 6       | 8    | 11   | 30       | 6       | 8    | 8    | 20       | 3       | 4    | 2    | 8        | 1       | 1    | 158  | 316                | 6,494,922           |          |

# Ước tính PPE/HCSK/VS 20 giường

37

| Danh mục                                      | ĐVT        | TẠI 1 CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TRONG 21 NGÀY* |                  |                      |                                      |                                                        |                  |                                             |                                                                   |
|-----------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------|------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|                                               |            | Ước tính cho mỗi khu vực điều trị               |                  |                      | Các khu vực khác trong cơ sở KBCB    |                                                        |                  |                                             |                                                                   |
|                                               |            | 20 NB nhẹ                                       | 20 NB trung bình | 20 NB nặng, rất nặng | Phân luồng, hướng dẫn, khai báo y tế | Khám sàng lọc tại PK và các khoa lâm sàng, chuyên viện | Cận lâm sàng, XN | Cấp cứu, phẫu thuật người nhiễm, nghi nhiễm | Theo dõi, chăm sóc NB nghi ngờ nhiễm tại các khu cách ly tạm thời |
| Bộ trang phục PHCN                            | bộ         | 546                                             | 882              | 2,184                | 798                                  | 840                                                    | 504              | 252                                         | 882                                                               |
| Khẩu trang N95                                | chiếc      | 546                                             | 882              | 2,184                | -                                    | 840                                                    | 504              | 252                                         | 882                                                               |
| Khẩu trang y tế                               | chiếc      | 714                                             | 1,008            | 2,436                | 798                                  | 840                                                    | 504              | 252                                         | 882                                                               |
| Găng tay rửa bằng cao su, dùng nhiều lần.     | đôi        | 9                                               | 15               | 20                   | -                                    | 9                                                      | 9                | 6                                           | 9                                                                 |
| Găng khám bệnh, dùng 01 lần                   | đôi        | 1,680                                           | 2,520            | 3,780                | 798                                  | 840                                                    | 504              | 252                                         | 882                                                               |
| Găng tay vô khuẩn                             | đôi        | 300                                             | 500              | 840                  | -                                    | -                                                      | 105              | 252                                         | -                                                                 |
| Găng tay dài                                  | đôi        | 9                                               | 12               | 17                   | -                                    | -                                                      | -                | 105                                         | -                                                                 |
| Dung dịch VST chứa cồn                        | chai 500ml | 27                                              | 44               | 109                  | 84                                   | 84                                                     | 63               | 21                                          | 42                                                                |
| Dung dịch xà phòng rửa tay                    | chai 500ml | 4                                               | 7                | 22                   | -                                    | 6                                                      | 15               | 18                                          | 6                                                                 |
| Khăn lau khử khuẩn bề mặt máy thở, monitor... | hộp 80 cái | 50                                              | 100              | 200                  | -                                    | 21                                                     | 35               | 30                                          | 10                                                                |
| Thùng đựng rác thải nguy hại 30 lít           | chiếc      | 9                                               | 12               | 15                   | 2                                    | 3                                                      | 5                | 2                                           | 5                                                                 |
| Thùng đựng rác thải nguy hại 120 lít          | chiếc      | 2                                               | 3                | 4                    | 1                                    | 1                                                      | 2                | 1                                           | 2                                                                 |
| Túi rác thải nguy hại (cho thùng 30 lít)      | chiếc      | 315                                             | 315              | 315                  | 63                                   | 126                                                    | 315              | 126                                         | 315                                                               |
| Túi rác thải nguy hại (cho thùng 120 lít)     | chiếc      | 252                                             | 252              | 252                  | 42                                   | 42                                                     | 63               | 42                                          | 126                                                               |
| Chlorhexidine 0.12% súc miệng cho NVYT        | chai 200ml | 20                                              | 33               | 82                   | 60                                   | 63                                                     | 38               | 13                                          | 66                                                                |
| Túi đựng tử thi                               | chiếc      | -                                               | -                | 2                    | -                                    | -                                                      | -                | -                                           | -                                                                 |

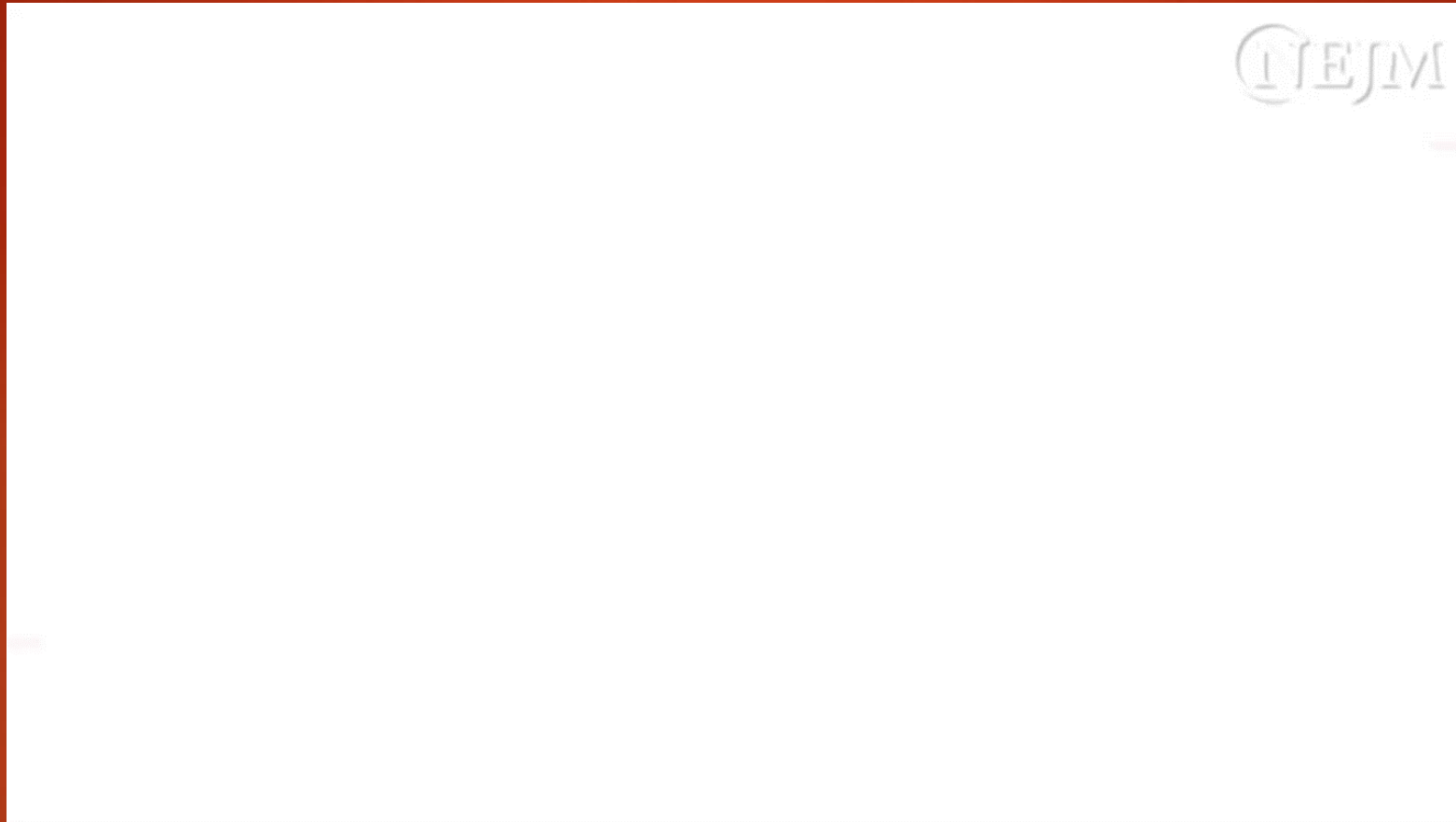
## 6. Mang và tháo PPE

38

- ▶ **Hướng dẫn mang, tháo PPE (bộ 07 món áo liền quần)**
  - ▶ [https://youtube.com/watch?v=JGv\\_lcZrVyU&feature=share](https://youtube.com/watch?v=JGv_lcZrVyU&feature=share)
  - ▶ <https://youtube.com/watch?v=8xmlvkMUWsk&feature=share>
- ▶ **Hướng dẫn mang, tháo PPE (bộ 07 món áo quần rời)**
  - ▶ <https://youtube.com/watch?v=c9iko5va7Vo&feature=share>
  - ▶ <https://youtube.com/watch?v=p7sx-1DQsIs&feature=share>

# Mang vào PPE

39



Nguồn: New England Journal of Medicine

# Điểm lưu ý chính khi mang vào

40

- ▶ Trước khi tiếp xúc người bệnh, thông thường trước khi bước vào phòng bệnh
- ▶ Luôn nhớ vệ sinh tay trước khi mang PPE
- ▶ Luôn giữ tay (đã mang găng) cách xa (không chạm vào) mặt
- ▶ Trong quá trình mang găng vô khuẩn không được đụng vào mặt ngoài găng
- ▶ Không chạm, không điều chỉnh các PPE khác
- ▶ Thay găng nếu rách, vệ sinh tay trước khi mang găng mới
- ▶ Hạn chế sờ/chạm các bề mặt hoặc các vật dụng khác

# Thứ tự mang vào

41

1. Vệ sinh tay
2. Mang bao giày/ủng
3. Vệ sinh tay
4. Mang quần/áo
5. Mang khẩu trang
6. Mang kính bảo hộ
7. Đội nón
8. Mang tấm che mặt
9. Vệ sinh tay
10. Mang găng tay

PPE COVID 19 – HMT – 12/6/2021

 **BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM®**  
UNIVERSITY MEDICAL CENTER HCMC

**HƯỚNG DẪN MANG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN (PTPHCN)**



Bộ quần áo mặc bên trong trước khi mang PTPHCN

Quyết định số 468/QĐ-BYT ngày 19/02/2020 của Bộ Y tế

**KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN**  
Infection Control Department  
kiemsoatnhiemkhuuan@umc.edu.vn ☎5031



# Sai ở đâu? (1)

42



# Sai ở đâu? (2)

43



# Sai ở đâu? (3)

44



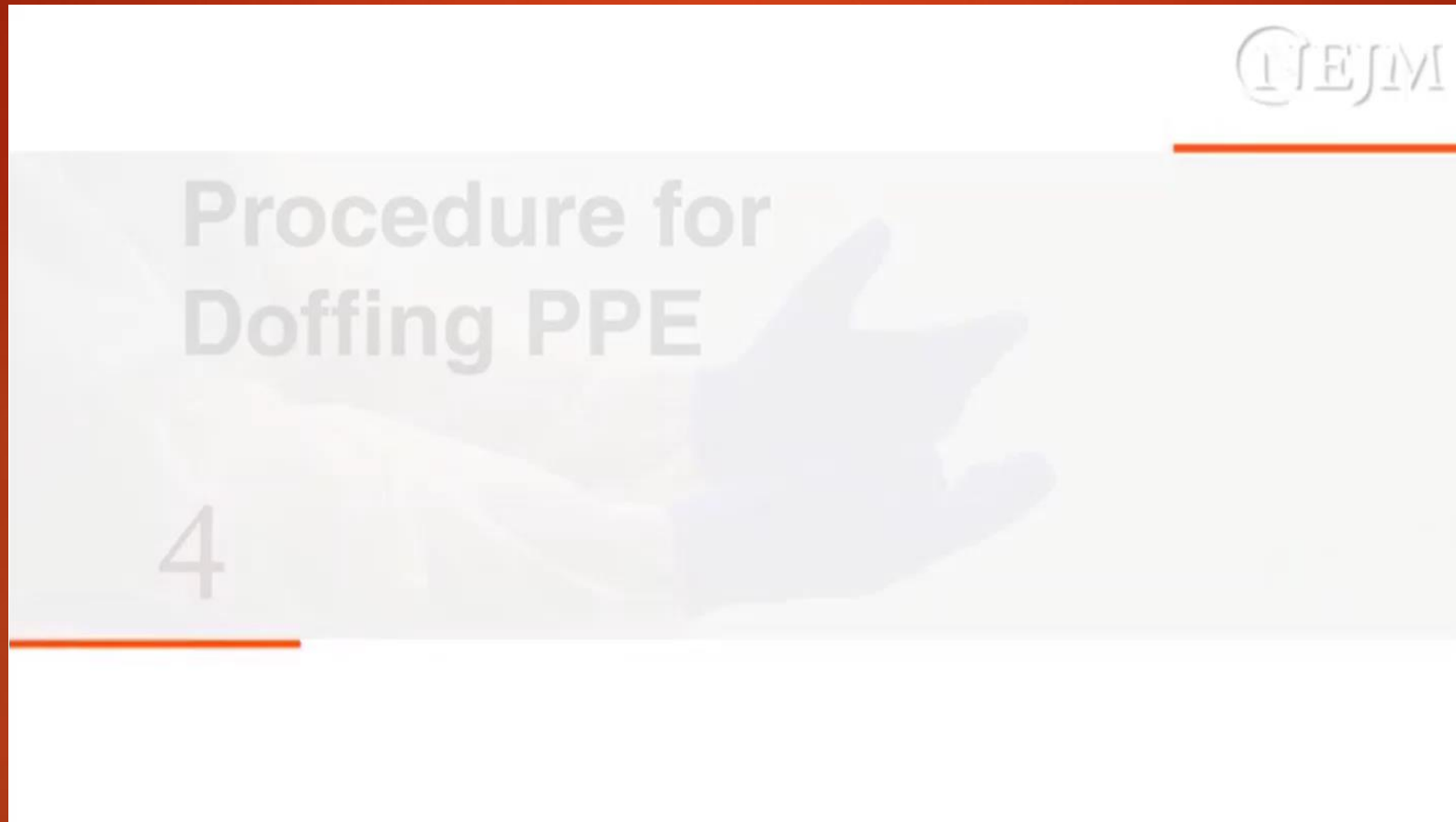
# Sai ở đâu? (4)

45



# Tháo bỏ PPE

46



Nguồn: New England Journal of Medicine

# Điểm lưu ý chính khi tháo ra

47

- ▶ “Vùng nhiễm” – mặt ngoài phía trước
  - ▶ Khả năng tiếp xúc với NB, vùng xung quanh, vật dụng hoặc các bề mặt môi trường xung quanh NB
- ▶ “Vùng sạch” – mặt trong, mặt ngoài phía sau, dây cột sau đầu và sau eo
  - ▶ Ít khả năng tiếp xúc
- ▶ **Nơi tháo bỏ PPE**
  - ▶ Trong phòng đệm (cửa ra, trước khi rời khỏi phòng bệnh)
  - ▶ Tháo bỏ khẩu trang hô hấp sau khi đã rời khỏi hần và cửa phòng bệnh đã đóng lại
  - ▶ Ghi chú: cần đảm bảo phương tiện vệ sinh tay có sẵn tại nơi tháo bỏ PPE

# Thứ tự tháo bỏ

48

1. Tháo găng
2. Vệ sinh tay
3. Tháo tấm che mặt/kính bảo hộ
4. Vệ sinh tay
5. Tháo nón, áo, quần
6. Vệ sinh tay
7. Tháo bao giày/ủng
8. Vệ sinh tay
9. Tháo bỏ khẩu trang
10. Vệ sinh tay

 **BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM**  
UNIVERSITY MEDICAL CENTER HCMC

**HƯỚNG DẪN THÁO PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN (PTPHCN)**



1. Tháo găng

2. Vệ sinh tay

3. Tháo tấm che mặt/kính bảo hộ

4. Vệ sinh tay

5. Tháo nón, áo, quần

6. Vệ sinh tay

7. Tháo bao giày/ủng

8. Vệ sinh tay

9. Tháo khẩu trang

10. Vệ sinh tay

Quyết định số 468/QĐ-BYT ngày 19/02/2020 của Bộ Y tế

**KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN**  
Infection Control Department  
kiemsoatnhiemkhu@umc.edu.vn ☎ 5031



# Sai ở đâu? (5)

49



# Sai ở đâu? (6)

50



# Sai ở đâu? (7)

51



# Sai ở đâu? (8)

52



# Sai ở đâu? (9)

53



# Sai ở đâu? (10)

54



# Sai ở đâu? (11)

55



# Sai ở đâu? (12)

56



# Buồng lấy mẫu!!!???

(hình trên mạng)



(Hình trên mạng)



58



# Tóm tắt - Kết luận

59

- ▶ PPE: phương tiện hữu hiệu bảo vệ tránh lây nhiễm (đặc biệt quan trọng trong phòng ngừa COVID-19)
- ▶ Cần hiểu biết: các tiêu chí kỹ thuật, nguyên tắc, cấp độ theo thành phần, quy định sử dụng theo nguy cơ
- ▶ PPE không thiếu, quan trọng là sử dụng ở đâu và sử dụng như thế nào (trong lúc sử dụng và lúc tháo bỏ là những lúc dễ lây nhiễm nhất)

# Thông tin liên hệ

60

TS.BS. Huỳnh Minh Tuấn

Khoa KSNK/Vi sinh

Bệnh Viện Đại Học Y Dược TP.HCM

Cell: +84 90 934 9918

Email: [huynh.tuan@umc.edu.vn](mailto:huynh.tuan@umc.edu.vn)

